

HQ. Quan / GA / P64H
 P.C. Po. Box 18 Panat N. Kham
 Chonbury 20140
 - Thai Land -

DANH SÁCH CƯ TỬ NHÂN CẢNH TRÍ: TRẠI
 PANAT. HOLDING CAMP.

(Bổ sung Danh sách đợt I. Họ tên Cha mẹ và
 Năm sinh. Tổng số: 27 form.)

SỐ T.T	HỌ VÀ TÊN	SINH NĂM	HỌ VÀ TÊN CHA MẸ	SINH NĂM	SỐ CHẾT
1.	Nguyễn Thanh Nghĩa	1942	Tô danh	1918	C
			Nguyễn thị Lý	1918	S
2.	Trần Ngọc Tiếng	1949	Trần Văn Hòa	1919	S
			Tô thị Rạng	1926	S
3.	Võ Thái Lộc	1943	Tô Thái Hòa	1911	C
			Nguyễn thị Nghệ	1911	C
4.	Phan Thanh Bằng	1951			
5.	Nguyễn Hữu Hiếu	1939	Nguyễn Văn Giàu	1914	C
			Huỳnh thị Ngọc	1917	S
6.	Huỳnh Văn Bảy	1944	Huỳnh Văn Hiếu	1910	C
			Trần thị Diệu	1910	C
7.	Bùi Văn Kế	1956	Bùi Văn Ní	1929	S
			Lê thị Bơ		C
8.	Trần Xuân	1952	Lê Trung	1925	S
			Lương thị Thái	1933	S
9.	Nguyễn Thế Hùng	1942	Nguyễn Văn Bĩa	1906	S
			Nguyễn thị Hối	1910	C
10.	Nguyễn Văn Trí	1954	Nguyễn Lũ	1930	S
			Đặng thị Hoa	1930	S
11.	Nguyễn Thu Ba	1939	Nguyễn Văn Seng	1914	C
			Võ thị Diễm	1916	S
12.	Đặng Văn Quang	1953	Đặng Khánh Văn	1919	S
			Nguyễn thị Sáu	1920	S

13.	Tiền Kim Bê	1953			
14.	Dương Văn Minh	1953	Ngô Văn Kim Anh	1929	S
			Đặng thị Ba	1930	S
15.	Phan Bá Bách	1946	Phan Bá Bẩm		C
			Lê thị Sanh		C
16.	Đoàn Văn Có	1932	Đoàn Văn Lũy	1901	C
			Nguyễn thị Hằng	1905	C
17.	Lê Văn Sĩ	1956	Lê Văn Kỳ	1919	S
			Trần thị Hai		S
18.	Nguyễn Văn Hoàng	1958	Nguyễn Văn Mao	1922	S
			Phạm thị Khắc	1923	S
19.	Dương Ngọc Thơ	1958	Thường Văn Hoài	1904	S
			Phạm thị Khanh	1911	C
20.	Trần Văn Thuận	1955	Trần Văn Thường	1917	C
			Nguyễn thị Khương	1917	S
21.	Đặng Văn Hùng	1957	Đặng Văn Hiếu	1925	C
			Nguyễn thị Sanh	1931	C
22.	Huỳnh thị Ngọc Mai	1952	Huỳnh Văn To	1929	S
			Lê thị Mười	1934	S
23.	Nguyễn Văn Rao	1944	Nguyễn Văn Bưởi	1919	S
			Nguyễn thị Niềm	1920	S
24.	Hoàng Văn Thuận	1963	Hoàng Văn Thơm	1919	S
			Nguyễn thị Nguyệt	1927	S
25.	Nguyễn Thanh Hải	1950	Nguyễn Khương Ninh	1926	S
			Nguyễn Hữu Chung		C
26.	Huỳnh Văn Giáo	1944	Huỳnh Văn Quấn	1919	C
			Lê thị Khỏe	1921	C
27.	Lê Văn Phúc	1944	Lê Văn Cửu		C
			Huỳnh thị Bung	1911	S

HỘI QUÁN/GIAO HỘI/PHẬT GIÁO HẠ HẢO

PC.PO.BOX18 PANAT BIKHOM CHONBURY 20140

THAILAND.

ST T.T	HỌ VÀ TÊN	SINH NĂM	NGU TÀI	SỐ QUÂN	CẤP BẠC	CHỨC
01	TRINH NHƯ KHA	1954	Chợ Mới - Angiang	74/519485	Thiếu úy	Trung đội
02	LIÊNG KIM BÔNG	1936	Kiến Giang	36/092637	Trung Sĩ	Tiếp 1
03	NGUYỄN HOÀNG VÂN	1948	Bình Minh - Cửu Long	29081	Cảnh Sát Viên	Trưởng ban
04	MAI PHÁT HÙNG	1954	Châu Thành - Angiang	74/506846	Bình nhì	lính
05	NGUYỄN NGỌC ĐIệp	1942	Đầu Giang	62/501974	Hạ Sĩ I	Tiểu đội
06	NGUYỄN VĂN NHAN	1944	Cà Mau - Minh Hải	64/510385	Hạ Sĩ	Thư ký T
07	VÕ VĂN HAI	1935	Kiến Giang	55/64915	Trung Sĩ	
08	LÊ VĂN KHUẤT	1952	Thoại Sơn - Angiang	72/510289	Hạ Sĩ I	Tài
09	MẠC VĂN MEO	1951	Bình Minh - Cửu Long	KBC 6264		Nhân
10	HUYNH KIM BIÊN	1950	Bình Minh - Cửu Long	79/502583	Hạ Sĩ	Tài
11	PHẠM TẤN MINH TÂN	1945	Chợ Lớn	65/178875	Bình II	Biệt phái
12	TRẦN QUANG ĐỨC	1956	Sài Gòn	76/106608	Bình II	lính
13	TRẦN NGÔ CHI	1953	Angiang	59/504355	Hạ Sĩ	Tài
14	MAI NHÂN	1954	Sa Đéc	74/510580	Bình II	lính
15	NGUYỄN TẤN LỢI	1956	Chợ Mới - Angiang			

DANH SÁCH CỬU TỬ NHÂN CHÍNH TRỊ

-Trại Para Holding Camp-

C. VU	ĐƠN VỊ SAU CÙNG	THỜI GIAN CẢI TẠO				GIẤY A, TRẠI, S
		THỜI GIAN CẢI TẠO	TỪ	ĐẾN	Ở DO	
trưởng	Tiểu Đoàn 5 TK. Chương Thiện	57 tháng 12 ngày	02.05.75	14.02.80	Cục quân nhân	281/R
liệu	Đan vị 4 Quận tr. Cần Thơ	15 tháng 2 ngày	24.06.79	15.08.80	Mặt liên liên + Cục quân nhân	15/TLTD
Quản tr.	Bộ Chỉ huy CSAG Bình Minh	7 tháng 6 ngày	10.04.75	16.11.75	Cục quân nhân	183/TD
	Tiểu khu Chương Thiện	20 ngày			Cục quân nhân	
trưởng	Đại Đ. 21 Vạn Tai - Bạch Liêu	15 ngày			-nt-	
ếp liệu	T. đoàn 16 kỵ Bình KBC 6386	14 ngày			-nt-	
	ĐPQ - Sư Đoàn 9 BB	7 tháng			-nt-	
xé	Liên Đoàn 7 CB Kiên tạo Trà Vinh	3 tháng			-nt-	
viên	Cán bộ XDRT - Phong Dinh	01 tháng			-nt-	
é	Đại Đ. 413 Vạn Tai - Cần Thơ	01 tháng			-nt-	
i. Dạy học	Tổ tâm Q. tr. Đ. u. 3 Sài Gòn	20 ngày			-nt-	
h	Sư Đoàn 25 BB. Tây Ninh	5 ngày	19.07.75	24.07.75	-nt-	11622/22/0
xé	Chi khu Thanh Bình - Kiên Phong	14 ngày			-nt-	
h	Sư Đoàn 22 BB. Qui Nhơn	5 ngày			-nt-	
	Bảo An Quân - An Giang	3 ngày			Bảo An Quân	

88' Sung) (đợt II)

	NGÀY ĐẾN	NGÀY	HOUSE	- BT	HỌ VÀ TÊN
NGÀY & NƠI CẤP GIẤY RA TRẠI	THAI ĐANG	NHẬP TRẠI		- PST	CHA HOẶC MẸ
UBND Tỉnh Hòa Giang 14.02.90	15.03.90	28.03.90	2A6	PST 4168	Cha: Trịnh Văn Hoàn Me: Võ Thị Oanh
TyCA Kiên Giang 15.08.80	01.03.90	15.03.90	2A25	PST 3727	Cha: Gân Me: Nguyễn Thị Gấm
Phụ CA Bình Minh 16.11.75	21.02.90	15.03.90	2A34	PST 3835	Cha: Nguyễn Thành Đăng Me: Huỳnh Thị Bón
	15.03.90	28.03.90	2A8	PST 4187	Cha: Mai Văn Rời Me: Nguyễn Thị Ánh
	09.12.89	01.02.90	2L36	PST 3025	Cha: Nguyễn Văn Tư Me: Hà Thị Nam
	09.03.90	28.03.90	2A7	PST 4183	Cha: Nguyễn Văn Cam Me: Trương Thị Lữ
	11.03.90	28.03.90	2A5	PST 4154	Cha: Võ Văn Văn Me: Trần Thị Cua
	22.02.90	15.03.90	2A37	PST 3960	Cha: Lê Văn Đăng Me: Lê Thị Yên
	21.02.90	15.03.90	2A30	PST 3800	Cha: Mạc Văn Sáu Me: Đặng Thị Tích
	21.02.90	15.03.90	2A30	PST 3804	Cha: Huỳnh Văn Khuê Me: Nguyễn Thị Giáp
	20.02.90	15.03.90	2A30	PST 3791	Cha: Phạm Tấn Nghi Me: Nguyễn Thị Diên
UBND Quận Sài Gòn 24.07.75	21.02.90	15.03.90	2A30	3799	Cha: Trần Văn Truyền Me: Trần Thị Nguyệt
	13.04.90	03.05.90	2A27		Cha: Trần Văn Thới Me: Nguyễn Thị út
	09.12.89	01.02.90	2L16	3013	Cha: Mai Mừng Me: Thị Sỏi
	09.12.89	01.02.90	2L15	3043	Cha: Nguyễn Văn Phan Me: Lê Thị Hương
Tổng Kết: 88' Sung 15 form. Những lời khai trên hoàn toàn đúng Lâm tại Phanat Holding Camp TM/BAĐ/164/1P6					

SANH NĂM	Sống Chết	NGƯỜI CÙNG ĐI	SANH NĂM	LIÊN HỆ GIADÌNH	GHI CHÚ
1916	S	- Nguyễn Thị Ngọc Bích	1958	vợ	
1918	S	- Trịnh Ngọc Diễm Hằng	1981	con	
	C	- Liêng Văn Cường	1966	con	
	C	- Liêng Thị Hồng An	1967	con	
1907	C	- Nguyễn Thị Phụng	1968	dâu	
1913	S				
1929	S				
1932	S				
1905	C				
1906	S				
1922	C	- Đoàn Thị Kim Cúc	1946	vợ	
1924	S	- Nguyễn Thanh Sơn	1974	con	
		- Nguyễn Thị Dung	1986	con	
		- Nguyễn Văn Tê	1988	con	
	C				
	C				
1920	C	- Phạm Thị Bông	1953	vợ	
1920	S	- Lê Thị Loan	1974	con	
		- Lê Văn Hiền	1975	con	
		- Lê Thị Em	1977	con	
		- Lê Văn Khanh	1982	con	
		- Lê Văn Thuận	1984	con	
1916	S	- Lê Thuận Em	1986	con	
1922	S				
1900	S				
1907	S				
1919	C				
1923	C				
1926	S				
1928	C				
1932	C				
1935	S	- Nguyễn Thị Suông	1953	vợ	
1929	S				
1934	S				
1945	C				
1917	S				

Kính gửi tất cả
ngày 5.5.1990.
P. H. H.